

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Q
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 884/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 17.9.2019

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Không Lan Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Cao Thị Chính
2. Ông Phạm Ngọc Đông

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nương là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Phúc – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 439/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2019/QĐXX-ST ngày 20 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Minh A, sinh năm: 1996

Địa chỉ: 285/5 Nguyễn Thái Học, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Vũ H, sinh năm: 1983

HKTT: 285/5 Nguyễn Thái Học, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Tạm trú: Tổ 6, KV 2, phường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Chị A có mặt, anh H có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 5 năm 2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Minh A trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Vũ H tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 27/02/2017 tại UBND phường N, thành phố Q. Sau khi kết hôn vợ chồng đã bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H ham mê cờ bạc, cá độ gây ra nợ nần, chị và gia đình thường xuyên phải trả nợ thay nhưng anh H không hề thay đổi mà ngược lại số tiền nợ sau lúc nào cũng nhiều hơn số nợ trước. Ngoài ra anh H cũng không có trách nhiệm với gia đình. Vợ chồng chị đã ly thân từ tháng 10/2018 cho đến nay. Chị nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm và trách nhiệm với nhau nên chị yêu cầu ly hôn anh H.

Về con chung: Vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại bản khai ngày 14 tháng 7 năm 2019, bị đơn anh Nguyễn Vũ H trình bày:

Anh và chị Nguyễn Minh A tự nguyện kết hôn vào ngày 27/02/2017 tại UBND phường N, thành phố Q. Kể từ ngày chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn. Anh cũng không lo được cho vợ và gia đình. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 10/2018 cho đến nay. Nay anh đồng ý ly hôn với chị A.

Về con chung: Vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

+ Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q phát biểu việc tuân thủ pháp luật về tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Minh A được ly hôn anh Nguyễn Vũ H.

- Về án phí: Chị Nguyễn Minh A phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Minh A có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn với anh Nguyễn Vũ H trú tại địa chỉ: Tổ 6, khu vực 2, phường, thành phố Q, tỉnh Bình Định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Q theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Vũ H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để làm việc, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử nhưng anh Hoàng không đến Tòa mà có đơn xin hòa giải và xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Vũ H.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Minh A và anh Nguyễn Vũ H đăng ký kết hôn vào ngày 27/02/2017 tại UBND phường N, thành phố Q trên cơ sở tự nguyện nên quan hệ hôn nhân giữa chị A và anh H là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, vợ chồng đã bắt đầu phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do anh H ham mê cờ bạc, cá độ gây ra nợ nần, chị A và gia đình đã khuyên bảo và thường xuyên phải trả nợ giúp anh nhưng anh H không hề thay đổi mà vẫn tiếp tục lao vào cờ bạc, từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã làm cho cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ tháng 10/2018 cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh H đến Tòa làm việc nhưng anh H không đến mà anh viết bản khai gửi đến Tòa. Anh cũng thừa nhận vợ chồng có nhiều mâu thuẫn không hàn gắn được, anh không thể lo cho vợ và gia đình nên đồng ý ly hôn chị A (BL 29). Xét thấy chị A và anh H đã sống ly thân trong thời gian dài, vợ chồng không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mục

đích hôn nhân giữa chị A và anh H không đạt được. Do đó, chị A yêu cầu ly hôn anh H là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Minh A và anh Nguyễn Vũ H không có con chung nên Tòa không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Minh A và anh Nguyễn Vũ H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Ánh phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[2.5] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Tòa nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Minh A được ly hôn anh Nguyễn Vũ H.
2. Về con chung: Chị Nguyễn Minh A và anh Nguyễn Vũ H không có con chung nên Tòa không giải quyết.
3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Minh A và anh Nguyễn Vũ H không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.
4. Về án phí: Chị Nguyễn Minh A phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001407 ngày 21 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND thành phố Q;
- Chi cục THADS thành phố Q;
- UBND phường N;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Khổng Lan Hương